

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ CỦA VIỆT NAM NĂM 2010

*(Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Hội nghị CG giữa kỳ 2010
ngày 09-10/6/2010 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)*

Thực hiện nhiệm vụ được giao, hiện tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) của Việt Nam. Báo cáo MDG năm 2010 được thực hiện trong bối cảnh Việt Nam đã đi qua 2/3 chặng đường thực hiện các MDG, gắn chặt với quá trình thực hiện thành công Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 và các Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 và 2006-2010.

Trong bối cảnh 10 năm trở lại đây, kinh tế Việt Nam mức tăng trưởng khá và tương đối ổn định. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hàng năm trong thời kỳ 2000-2010 đạt 7,2% mặc dù tốc độ này có giảm đi vào các năm 2008-2010 do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới. GDP bình quân đầu người năm 2010 ước khoảng 1.200 USD, gấp 3 lần so với năm 2000. Với mức này, Việt Nam đã chuyển vị trí từ nhóm nước nghèo nhất sang nhóm nước có mức thu nhập trung bình thấp. Song song với phát triển kinh tế, Chính phủ đặc biệt quan tâm và ưu tiên nguồn lực cho giảm nghèo và phát triển xã hội. Các chính sách và thể chế được đổi mới nhằm tăng khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển xã hội. Các vùng kém phát triển, các nhóm dân cư nghèo, dễ bị tổn thương được ưu tiên hỗ trợ về sinh kế, khả năng tiếp cận các dịch vụ công, an sinh xã hội và đảm bảo được cung cấp kết cấu hạ tầng thiết yếu.

Trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, phân đầu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) cũng chính là nỗ lực thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong Chiến lược, kế hoạch phát triển của Việt Nam.

Cho đến nay, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng hai Báo cáo về quá trình thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG). Báo cáo năm 2005 “**Việt Nam thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ**”, điểm lại tình hình thực hiện các Mục tiêu MDG đến năm 2004 của Việt Nam. Báo cáo năm 2008 “**Việt Nam tiếp tục thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ**”, tiếp tục cập nhật thêm các tiến bộ và thách thức đối với Việt Nam trong việc thực hiện các mục tiêu MDG trong giai đoạn 2005-2007. Báo cáo năm 2010 sẽ cập nhật tình hình thực hiện và tập trung đánh giá tổng hợp, phân tích các thành tựu của Việt Nam trong thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Việt Nam trong chặng đường 10 năm qua; đồng thời, xác định khả năng và các thách thức mà Việt Nam phải đối mặt để hoàn thành các mục tiêu MDG vào 2015. Dự kiến tên của Báo cáo năm 2010 là “**Việt Nam, trên con đường hoàn thành các mục tiêu Thiên niên kỷ**”.

Với tất cả nỗ lực và cố gắng thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, trong đó thực hiện các mục tiêu MDG, Việt Nam đạt được những thành quả quan trọng trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo; giải quyết việc làm; chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ; tiếp tục đạt được những tiến bộ vượt trội về bình đẳng giới...

Tính đến năm 2010, Việt Nam đã hoàn thành một phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ đã cam kết trước cộng đồng quốc tế. Trên bình diện quốc gia, nhiều mục tiêu đặt ra cho năm 2015 đã đạt và vượt vào năm 2008 (ví dụ: xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói; phổ cập giáo dục tiểu học; tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; tăng cường sức khoẻ bà mẹ; sốt rét và các bệnh dịch khác được đẩy lùi; thiết lập đối tác toàn cầu vì phát triển). Tuy nhiên, cũng cần phải có những nỗ lực vượt bậc để có thể đảm bảo đạt được hai mục tiêu về ngăn ngừa tình trạng lây lan của HIV/AIDS (MDG6) và đảm bảo bền vững về môi trường (MDG7). Các Mục tiêu cụ thể có thể được đánh giá tóm tắt như sau:

MDG1: Xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói

Trong lĩnh vực giảm nghèo, Việt Nam được coi là quốc gia khá thành công trong số các quốc gia cam kết thực hiện các Mục tiêu MDG. Tính đến cuối năm 2002, Việt Nam đã đạt mục tiêu “giảm ½ tỷ lệ nghèo”, tức là từ 58,1% năm 1993 xuống còn 28,9% năm 2002. Tỷ lệ nghèo tiếp tục giảm xuống còn 14,5% vào năm 2008¹. Tỷ lệ người đói, đo lường bằng chuẩn nghèo lương thực thực phẩm, giảm từ 24,9% năm 1993 xuống còn 10,9% năm 2002 và 6,9 năm 2008. Tỷ lệ nghèo không chỉ giảm trên bình diện quốc gia, mà còn giảm ở tất cả các nhóm dân cư, thành thị, nông thôn, các nhóm dân tộc và ở các vùng địa lý.

Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo vẫn còn khá cao ở một số địa bàn, đặc biệt ở vùng Tây Bắc và ở nhóm dân tộc thiểu số. Cho tới năm 2008, hơn 50% người dân tộc vẫn là người nghèo, chiếm tới hơn một nửa tổng dân số nghèo Việt Nam. Việc giảm nghèo trong nhóm người di cư từ nông thôn ra thành thị và người nghèo thành thị là một thách thức lớn. Sự tập trung của người nghèo tại những địa bàn đặc thù, đối tượng đặc thù sẽ làm cho nỗ lực tiếp tục giảm nghèo cho những đối tượng này khó khăn hơn, đòi hỏi cần có cách tiếp cận đổi mới trong giảm nghèo trong thời gian tới.

MDG2: Phổ cập giáo dục tiểu học

Đầu tư cho giáo dục và đào tạo được Nhà nước đặc biệt quan tâm, coi đó là đầu tư cho phát triển. Ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo được tăng lên hàng năm, đạt 20% tổng chi ngân sách nhà nước; đã thu hút được nhiều nguồn lực trong xã hội, cộng đồng tài trợ quốc tế, và các tầng lớp nhân dân đầu tư cho phát triển giáo dục. Qua đó, Việt Nam tiếp tục đạt được những thành tựu đáng kể về giáo dục, đào tạo, xoá mù chữ. Tính đến năm 2000, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong độ tuổi; có mục tiêu cụ thể cho việc thực hiện mục tiêu phổ cập trung học phổ thông.

¹ Tỷ lệ nghèo năm 2009 còn 12,3% (theo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 của Chính phủ)

Mặc dù đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, thúc đẩy phổ cập giáo dục trung học cơ sở nhưng nâng cao chất lượng giáo dục là thách thức lớn. Tỷ lệ nhập học đúng tuổi ở bậc tiểu học vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra. Cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ giáo viên của các trường còn nhiều khó khăn, đặc biệt là ở các vùng khó khăn, vùng tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Tình trạng chênh lệch trong tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền, giữa nông thôn và thành thị, giữa các nhóm dân tộc thiểu số và đa số vẫn tồn tại.

MDG3: Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ

Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ về tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ. So với các quốc gia có cùng mức độ phát triển và thu nhập, Việt Nam có các chỉ số về bình đẳng giới khá cao. Việt Nam đã xoá bỏ được những khác biệt về giới trong giáo dục. Bình đẳng giới ở khía cạnh việc làm và thu nhập là cũng đạt được những bước tiến quan trọng; trong số lao động mới tăng thêm hàng năm, nữ giới chiếm khoảng 49%. Phụ nữ ngày càng bình đẳng hơn trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; vị trí lãnh đạo của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại ở một số vùng nông thôn, miền núi. Vẫn còn có chênh lệch về trình độ giáo dục giữa nam và nữ ở những người lớn tuổi. Phụ nữ vẫn có xu hướng làm nhiều công việc giản đơn hơn so với nam giới. Những định kiến về giới, tư tưởng “trọng nam khinh nữ” vẫn còn tồn tại, nam giới được coi trọng và ưu tiên hơn phụ nữ trong công việc gia đình và xã hội. Ở một số nơi, bạo hành gia đình vẫn là vấn đề khá nghiêm trọng ở Việt Nam, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi.

MDG4: Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em

Sức khoẻ của trẻ em tiếp tục được quan tâm và cải thiện đáng kể. So với mục tiêu đặt ra, Việt Nam đã tiến đến gần Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đối với chỉ tiêu tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi và tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi. Dù tốc độ giảm các tỷ suất này có xu hướng chậm lại và không thay đổi trong vài năm gần đây nhưng Mục tiêu MDG4 có thể đạt được với những nỗ lực của Việt Nam từ năm đến năm 2015. Bên cạnh đó, chương trình tiêm chủng mở rộng được tiếp tục thực hiện với quy mô rộng hơn và chất lượng hơn, mang lại hiệu quả cao. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm nhiều.

Trong thời gian tới, thách thức đối với Việt Nam là cần thúc đẩy giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi và dưới 1 tuổi để được Mục tiêu MDG4. Quan trọng hơn nữa là đảm bảo thu hẹp được khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn; đặc biệt là đảm bảo việc đạt được các chỉ tiêu này đối với các khu vực khó khăn, các nhóm dân tộc thiểu số.

MDG5: Tăng cường sức khỏe bà mẹ

Tỷ suất tử vong mẹ giảm mạnh từ những năm 1990. Tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai và tiêm phòng đã tăng lên rõ rệt trong thời gian qua. Mạng lưới y tế cơ sở về chăm sóc sức khỏe bà mẹ được củng cố và nâng cấp. Tỷ lệ các ca sinh đẻ được sự trợ giúp của các cán bộ được đào tạo cũng tăng lên. Tỷ lệ phụ

nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49) có chồng và sử dụng biện pháp tránh thai, đặc biệt là các biện pháp hiện đại, tăng lên rõ rệt. Sự đồng thuận của các cặp vợ chồng trong việc sử dụng các biện pháp tránh thai, đặc biệt là dùng bao cao su và thuốc uống, tăng lên đáng kể.

Đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ tử vong mẹ từ 58,3/100.000 trẻ đẻ ra sống vào năm 2015 từ mức 75/100.000 trẻ đẻ ra sống năm 2009 là một thách thức đáng kể. Bên cạnh việc phải đảm bảo đạt được giảm tỷ lệ trung bình về tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản, thu hẹp chênh lệch giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các nhóm dân tộc là những vấn đề cần phải giải quyết thì mới có thể đạt được thành quả giảm tử vong bà mẹ một cách bền vững. Bên cạnh đó, sự nổi lên của hiện trạng nạo phá thai của nhóm dân số nữ vị thành niên đang báo động nguy cơ lớn đối với sức khỏe bà mẹ trong tương lai.

MDG6: Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác

Việc thực hiện mục tiêu Chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS đã được triển khai dưới nhiều hình thức. Đại dịch HIV/AIDS ở Việt Nam đã bước đầu được kiềm chế tốc độ gia tăng và có xu hướng giảm trong hai năm gần đây nhưng xu hướng giảm chưa bền vững, và có thể còn có sai sót nhất định về số liệu thống kê. Bệnh sốt rét đang được khống chế và nhiều vùng đã được loại trừ. Chương trình phòng chống lao đã thu được những kết quả tích cực, được thế giới đánh giá cao.

Tuy nhiên, diễn biến của HIV/AIDS vẫn còn phức tạp, nguy cơ lây nhiễm cao và phạm vi ngày càng rộng. Sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người nhiễm HIV/AIDS còn cao, cản trở công tác điều trị và hòa nhập cộng đồng của người bệnh. Việc tiếp cận được các dịch vụ dự phòng, chăm sóc và điều trị tại các trại giam, trại tạm giam, trung tâm giáo dục lao động xã hội vẫn còn hạn chế.

MDG7: Đảm bảo bền vững về môi trường

Việt Nam triển khai tích cực thực hiện Chương trình Nghị sự 21, thực hiện mục tiêu đảm bảo bền vững về môi trường, và đã đạt được một số kết quả trong lĩnh vực phát triển bền vững, ví dụ như: nâng cao độ che phủ của rừng, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, suy thoái và xử lý các sự cố môi trường; phục hồi và cải thiện môi trường sinh thái; đẩy lùi tình trạng suy giảm tài nguyên môi trường.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ môi trường còn nhiều mặt yếu kém; tài nguyên thiên nhiên vẫn đang bị khai thác lãng phí và sử dụng kém hiệu quả, nhiều khía cạnh môi trường không được bảo vệ tốt, bị suy thoái và hủy hoại. Khá nhiều chỉ tiêu về bảo vệ môi trường đặt ra cho Kế hoạch 5 năm 2006-2010 có khả năng không đạt được. Trong tương lai, Việt Nam là một trong những nước chịu tác động tiêu cực mạnh mẽ nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng và thường xuyên bị thiên tai, làm cho việc đảm bảo môi trường bền vững đòi hỏi nỗ lực hơn nhiều trong thời gian tới. Việc đảm bảo bền vững về môi trường là thách thức lớn đối với Việt Nam.

MDG8: Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển

Việt Nam đã đạt được những bước tiến lớn trong việc thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển; kết thúc thành công nhiệm kỳ ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2008-2009); đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2010; triển khai thực hiện các cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), và nhiều các cam kết tự do hóa thương mại khác. Nỗ lực thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu đã giúp Việt Nam huy động được các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), tận dụng các cơ hội của tự do hóa thương mại, thị trường quốc tế cho thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo.

Sau gần 3 năm gia nhập WTO, năng lực cạnh tranh của quốc gia tuy đã được cải thiện song còn chậm, chưa có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu xuất khẩu trong khi thâm hụt thương mại đang trở thành vấn đề đáng lo ngại. Thách thức lâu dài đối với Việt Nam là xu thế chuyển dịch vốn ODA trong tương lai theo hướng giảm dần tỷ lệ của viện trợ không hoàn lại và các khoản cho vay có tính ưu đãi cao, thời hạn dài và tăng tỷ lệ các khoản cho vay kém tính ưu đãi hơn. Điều này đặt ra thách thức lớn trong việc tiếp tục tiếp tục thu hút, tránh lãng phí và tăng hiệu quả sử dụng vốn ODA. Bên cạnh đó, việc đảm bảo giá thuốc ở mức phù hợp với khả năng chi trả của người dân cũng là một thách thức đối với Việt Nam trong tương lai phía trước.

Đạt được những thành tựu nổi bật nói trên là nhờ kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố trong đó quan trọng nhất là cam kết mạnh mẽ và quyết tâm của Việt Nam thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Cam kết và quyết tâm của Việt Nam được cụ thể hóa bằng việc lồng ghép các mục tiêu MDG vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đổi mới cơ chế chính sách, phương thức huy động nguồn lực phát triển, và lựa chọn ưu tiên cao hơn cho các vùng phát triển chậm, các nhóm dân cư nghèo, dễ bị tổn thương. Thực hiện các mục tiêu MDG cũng chính là thực hiện các mục tiêu phát triển của Việt Nam.

Quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển của Việt Nam và các mục tiêu MDG đã được triển khai trên cơ sở huy động tối đa các nguồn lực trong nước, khơi dậy sự tham gia và đóng góp tích cực của mọi tầng lớp nhân dân, huy động và sử dụng hiệu quả hỗ trợ của các tổ chức thuộc Liên Hiệp Quốc, cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế, và các tổ chức phi chính phủ.

Việt Nam đã và sẽ đạt được các mục tiêu MDG trên phạm vi quốc gia. Tuy nhiên, thách thức đặt ra đối với Việt Nam trong thời gian tới là đảm bảo các mục tiêu MDG có thể đạt được một cách đồng đều giữa các vùng, và cho tất cả các đối tượng, đặc biệt là với những nhóm yếu thế (dân tộc thiểu số, người nghèo nông thôn, người nghèo thành thị). Vẫn còn có chênh lệch đáng kể giữa các vùng và khu vực trong thực hiện các mục tiêu MDG, phía bất lợi thuộc về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Dù các tăng trưởng kinh tế mang lại lợi ích cho tất cả mọi người nhưng một số đối tượng như các nhóm dân tộc thiểu số, nhóm dân di cư từ nông thôn đến thành thị có xu hướng được hưởng lợi ít hơn mức trung bình toàn quốc; dẫn

đến sự chênh lệch đáng kể trong việc thực hiện các MDG và VDG với những đối tượng yếu thế này.

Bên cạnh đó, những biến động không thuận lợi của tình hình kinh tế toàn cầu cũng đang là một thách thức đáng kể với Việt Nam trong việc duy trì bền vững các kết quả giảm nghèo nói riêng và kết quả thực hiện các mục tiêu MDG nói chung. Biến đổi khí hậu đang có xu hướng ngày càng trở nên rõ ràng hơn và có tác động sâu rộng đến hoạt động kinh tế và đời sống nhân dân. Là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất của biến đổi khí hậu, có nhiều lý do để lo ngại rằng biến đổi khí hậu sẽ tăng tính dễ bị tổn thương của một bộ phận dân số Việt Nam, và là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến tái nghèo.

Vì vậy, đảm bảo thành quả bền vững trong thực hiện các mục tiêu MDG trong điều kiện đối mặt với các thách thức mới gồm thách thức ngắn hạn (như tác động của khủng hoảng kinh tế, biến động giá lương thực, năng lượng) và dài hạn (như biến đổi khí hậu) là mục tiêu bao trùm nhất và cũng là một thách thức lớn nhất với Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến 2015 – thời hạn hoàn thành quá trình thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Báo cáo “Việt Nam trên con đường hoàn thành các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ” đã nhận được sự tham gia và đóng góp quý báu của các Bộ, ngành như Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Ngoại giao; Bộ giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ văn hoá, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Ủy ban Dân tộc. Đặc biệt, Báo cáo lần này là kết quả của một quá trình tham vấn thường xuyên và hiệu quả giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các Bộ, ngành và địa phương, các tổ chức của Liên hợp quốc, cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế, và các tổ chức phi chính phủ. Thông qua Báo cáo này, Việt Nam muốn chia sẻ với cộng đồng thế giới những kinh nghiệm của mình trong thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ; đồng thời mong muốn có sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế để tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ hướng đến năm 2015./.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ CỦA VIỆT NAM

	Chỉ tiêu, chỉ số	Năm 1990	Năm 2005	Báo cáo MDG 2010	khả năng đạt mục tiêu vào 2015
MDG1: Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói					
1	Tỷ lệ nghèo	58% <i>(năm 1992)</i>	19,5% <i>(năm 2004)</i>	14,5% <i>(năm 2008)</i>	Đạt
2	Chỉ số khoảng cách nghèo	18,4% <i>(năm 1993)</i>	4,7% <i>(năm 2004)</i>	3,5% <i>(năm 2008)</i>	
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân/tuổi)	41%	25,3%	18,9 <i>(năm 2009)</i>	
MDG2: Phổ cập giáo dục tiểu học					
1	Tỷ lệ nhập học đúng tuổi bậc tiểu học	87%	95%	97% <i>(năm 2009)</i>	Đạt
2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành tiểu học		85,6%	88,5% <i>(năm 2009)</i>	
3	Tỷ lệ nhập học đúng tuổi bậc THCS		81%	83,1% <i>(năm 2009)</i>	
MDG3: Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ					
1	Tỷ lệ học sinh nữ so với học sinh nam bậc tiểu học	47,7% <i>(năm 1998)</i>	47,7%	47,9% <i>(năm 2009)</i>	Đạt
2	Tỷ lệ học sinh nữ so với học sinh nam bậc THCS	47% <i>(năm 1998)</i>	47,9%	48,5% <i>(năm 2009)</i>	Đạt
3	Tỷ lệ học sinh nữ so với học sinh nam bậc THPT	46,4% <i>(năm 1998)</i>	48,9%	52,6% <i>(năm 2009)</i>	Đạt
4	Tỷ lệ đại biểu nữ trong quốc hội (so với tổng số đại biểu quốc hội)	18,48% <i>(khóa IX, nhiệm kỳ 1992-1997)</i>		25,76% <i>(khóa XII, nhiệm kỳ 2007-2011)</i>	
5	Tỷ lệ đại biểu nữ ở các cơ quan dân cử (HĐND) cấp tỉnh	21,1% <i>(nhiệm kỳ 1999-2004)</i>		23,9% <i>(nhiệm kỳ 2004-2009)</i>	
6	Tỷ lệ đại biểu nữ ở các cơ quan dân cử (HĐND) cấp huyện	21 % <i>(nhiệm kỳ 1999-2004)</i>		23% <i>(nhiệm kỳ 2004-2009)</i>	
7	Tỷ lệ đại biểu nữ ở các cơ quan dân cử (HĐND) cấp xã	16,1% <i>(nhiệm kỳ 1999-2004)</i>		19,5% <i>(nhiệm kỳ 2004-2009)</i>	

	Chỉ tiêu, chỉ số	Năm 1990	Năm 2005	Báo cáo MDG 2010	khả năng đạt mục tiêu vào 2015
MDG4: Giảm tử vong ở trẻ em					
1	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	58‰	27,5‰	25‰ (năm 2009)	Cố gắng
2	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	44,4‰	17,8‰	15‰ (năm 2009)	Cố gắng
MDG5: Tăng cường sức khỏe bà mẹ					
1	Tỷ số chết mẹ so với 100.000 ca đẻ sống	233	80	75 (năm 2009)	Cố gắng
2	Tỷ lệ các ca sinh được sự hỗ trợ của cán bộ y tế có tay nghề		92,71% (năm 2006)	94,8% (năm 2009)	
3	Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai của phụ nữ tuổi 15-49 đang có chồng	73,9% (năm 2001)		80% (năm 2008)	
4	Tỷ lệ phụ nữ được khám thai trong thời kỳ thai sản từ 3 lần trở lên		84,3%	86,4% (năm 2008)	
MDG6: Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác					
1	Tỷ lệ nhiễm HIV			0,28% (ước tính)	
2	Tỷ suất hiện nhiễm HIV trên 100.000 dân			187 (năm 2009)	
3	Số lượng người lớn được điều trị ARV		7.812 (năm 2006)	36.008 (năm 2009)	
4	Số lượng trẻ em được điều trị ARV		428 (năm 2006)	1.987 (năm 2009)	
5	Số bệnh nhân sốt rét	293.000 (năm 2000)		60.867 (năm 2009)	
6	Số bệnh nhân chết do sốt rét	71 (năm 2000)		27 (năm 2009)	
7	Tỷ lệ phát hiện vi rút lao (AFB) dương tính mới tính trên 100.000 dân		65 (năm 2007)	46 (năm 2009)	
8	Tỷ lệ bệnh nhân mắc lao được điều trị khỏi mới		89,9% (năm 2007)	89,8% (năm 2009)	
MDG7: Đảm bảo bền vững về môi trường					
1	Tỷ lệ diện tích đất có rừng che phủ	27,8%	37%	40% (ước tính)	
2	Tỷ lệ người dân được sử dụng nước	30%		79%	

	Chỉ tiêu, chỉ số	Năm 1990	Năm 2005	Báo cáo MDG 2010	khả năng đạt mục tiêu vào 2015
	sạch ở nông thôn			(năm 2009)	
3	Tỷ lệ hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh ở nông thôn	20%		43% (năm 2009)	
4	Tỷ lệ hộ gia đình sống trong nhà tạm	22,7% (năm 1999)		7,4% (năm 2009)	
MDG8: Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển					
1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (triệu USD)		69.206	127.045	
2	Cam kết ODA (triệu USD)	2.400 (năm 2000)	3.748	8.064 (năm 2009)	

<http://www.mpi.gov.vn>